

**2. Bị đơn:** Ông Đàm Văn L, sinh năm 1952; nơi cư trú: Số 39 PM, xã TS, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Chị Đàm Thị Minh T, sinh năm 1986; nơi cư trú: Số 39 PM, Thôn 3, xã TS, huyện TN, thành phố Hải Phòng; có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Nguyễn Xuân H1 – Văn phòng luật sư Trung Hòa Nhân Chính - thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Đỗ Văn Đ3, sinh năm 1960; vắng mặt.
- Anh Đỗ Hồng P3, sinh năm 1985; có mặt.
- Anh Đỗ Trọng N3, sinh năm 1989; vắng mặt.

Nơi cư trú: Số 913, Huỳnh TP, Tổ 5, Ấp 6, phường PX, huyện NB, Thành phố HCM; địa chỉ hiện nay: Số 824/5A Nguyễn Bình, Tổ 4, Ấp 2, Nhon Đ, huyện NB, Thành phố HCM.

Người đại diện hợp pháp của ông Đỗ Văn Đ3, anh Đỗ Hồng P3 và anh Đỗ Trọng N3: Ông Vũ Thanh Đ, sinh năm 1978; nơi ĐKKHKT: Số 48/40/72 LT, phường HK, quận LC, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Số 17/27/183 Đình Đông, phường ĐH, quận LC, thành phố Hải Phòng; ông Đ có mặt.

- Bà Đỗ Thị H4, sinh năm 1963; nơi cư trú: Số 39 PM, xã TS, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- UBND huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Năm 1993, nguyên đơn được Ủy ban nhân dân xã Lâm Động, huyện TN, thành phố Hải Phòng cấp cho diện tích đất 124m<sup>2</sup> tại thửa số 12, tờ bản đồ số 01 khu Vườn Chuối, thôn Hâu, xã Lâm Động, huyện TN, thành phố Hải Phòng với số tiền nguyên đơn phải nộp cho Ủy ban nhân dân xã Lâm Động, huyện TN, thành phố Hải Phòng là 4.000.000 đồng. Năm 1994, gia đình nguyên đơn chuyển vào Thành phố HCM sinh sống, địa phương chưa làm thủ tục giao đất thực địa nên nguyên đơn chưa xác định cụ thể vị trí, kích thước lô đất được cấp. Trước khi đi, nguyên đơn nhờ anh trai là ông Đàm Văn L trông coi giúp lô đất được cấp. Năm 2004, nguyên đơn được Ủy ban nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên. Từ năm 1994 đến năm 2010, bà Hoàng Thị Xanh là chị dâu nguyên đơn, bà Đàm Thị V là chị gái nguyên đơn (đã mất năm 2014) và bà Nguyễn Thị Tý là mẹ chồng nguyên đơn nộp tiền thuê đất giúp nguyên đơn. Tháng 5 năm 2011, nguyên đơn về quê, đi nộp tiền thuê đất thì cán bộ thu thuế cho biết ông Đàm Văn L đã thay nguyên đơn nộp tiền thuê đất năm 2011 và nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên nguyên đơn, ông Đàm Văn L cũng đã nộp thay nguyên đơn số tiền 7.440.000 đồng tiền hợp thức hóa quyền sử dụng đất. Từ năm 2012 đến

năm 2015, nguyên đơn là người nộp thuế đất. Đến tháng 5 năm 2016, nguyên đơn mới biết ông Đàm Văn L đã chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên ông Đàm Văn L và bà Đỗ Thị H4. Nguyên đơn đã nhiều lần liên lạc với ông Đàm Văn L để đòi lại đất nhưng ông Đàm Văn L không trả và đưa ra lý do nguyên đơn đã chuyển nhượng đất cho ông Đàm Văn L. Giấy nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 23/7/1995 do ông Đàm Văn L xuất trình không phải là chữ ký của nguyên đơn vì thời điểm năm 1995 nguyên đơn không về quê mà ở thành phố HCM. Chữ ký V và chữ viết Đàm Thị V trong giấy chuyển nhượng đất giống với chữ ký, chữ viết của nguyên đơn nhưng có thể là do được xử lý kỹ thuật lắp ghép tiểu xảo.

Nay, nguyên đơn yêu cầu đề nghị Tòa án buộc ông Đàm Văn L phải trả lại nguyên đơn diện tích đất 124m<sup>2</sup>, thửa số 12, tờ bản đồ số 01 tại thôn Hàu, xã Lâm Động, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Không đề nghị xem xét giải quyết việc chuyển nhượng nếu có và hậu quả trường hợp nếu có việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu.

*Trình bày và đề nghị của bị đơn:* Năm 1994, gia đình bà Đàm Thị V (tên gọi khác mà hiện nay là Đàm Thị V) chuyển vào Miền N3 sinh sống có chuyển nhượng cho bị đơn diện tích đất 137,5m<sup>2</sup> tại thửa số 12 tờ bản đồ số 01 tại thôn Hàu, xã Lâm Động, huyện TN, thành phố Hải Phòng với số tiền 8.000.000 đồng (hiện tại diện tích còn lại là 124m<sup>2</sup> vì Nhà nước đã lấy một phần diện tích đất làm đường và đây là diện tích đất sau khi đã nộp tiền hợp pháp hóa). Bị đơn trả tiền cho nguyên đơn 02 lần, lần 01: Trả trước khi nguyên đơn vào Miền N3 là 3.500.000 đồng, lần thứ 2: Trả 4.500.000 đồng. Sau khi nhận tiền nguyên đơn đã đưa cho bị đơn 01 tờ tích kê phân đất của Ủy ban nhân dân xã Lâm Động, (hiện bị đơn không còn giữ tờ tích kê này vì bị đơn đã nộp khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Hai bên đã viết và ký giấy chuyển nhượng diện tích đất trên vào ngày 23 tháng 7 năm 1995 tại nhà bị đơn, chữ ký của người làm chứng là ông Đàm Văn Lừng và ông Nguyễn Đình Nhật là do bị đơn hoàn thiện sau và Ủy ban nhân dân xã Lâm Động ký xác nhận sau cùng là để hoàn thiện hồ sơ. Tháng 12 năm 1995, bị đơn đóng chỉ giới lô đất bằng cọc tre tươi vì bị đơn thời đó định làm nhà ở đó, nhưng sau đó chưa làm nhà. Tháng 02 năm 1996, vợ chồng ông chuyển nơi ở ra phố TS, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Diện tích đất mua của nguyên đơn ban đầu để làm ruộng canh tác rau màu, sau đó mỗi năm bị đơn đổ đất san lấp một ít. Đầu năm 2004, Ủy ban nhân dân xã Lâm Động thông báo với bị đơn về việc nộp tiền để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bị đơn đã nộp 7.440.000 đồng tiền hợp pháp hóa diện tích đất. Do diện tích đất trước đây cấp cho nguyên đơn nên theo cán bộ chuyên môn để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải làm giấy đứng tên nguyên đơn trước sau đó mới sang tên bị đơn thì mới thuận tiện. Vì vậy, năm 2004 bị đơn đã làm các thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên

nguyên đơn, sau đó đến ngày 25 tháng 9 năm 2013, vợ chồng bị đơn được sang tên trong cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên đơn khởi kiện, bị đơn không đồng ý vì nguyên đơn đã chuyển nhượng cho bị đơn diện tích đất nêu trên từ năm 1995; bị đơn không đề nghị xem xét giải quyết hậu quả trường hợp nếu có chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu.

*Trình bày và đề nghị của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Văn Đ3, anh Đỗ Trọng N3, anh Đỗ Hồng P3:* Thống nhất với lời trình bày của bà Đàm Thị V. Ông Đỗ Văn Đ3 có văn bản ngày 21/01/2018 khẳng định vợ chồng kết hôn từ năm 1983; năm 1993, vợ ông thuộc diện được mua đất tại xã, vợ ông đã nộp tiền để nhận quyền sử dụng đất và đóng thuế sử dụng lô đất thửa số 12, tờ bản đồ số 1. Lô đất trên là tài sản chung của vợ chồng, bản thân ông chưa bao giờ thỏa thuận cho phép ông Đàm Văn L được nhận quyền sử dụng đất.

*Trình bày và đề nghị của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị H4:* Thống nhất với lời trình bày của ông Đàm Văn L.

*Trình bày và đề nghị của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng:* Trong quá trình giải quyết vụ án không có lời khai đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 3, Điều 237, Điều 238 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 105 Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu án phí, lệ phí Tòa án; Áp dụng Án lệ số 04, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Đàm Thị V về việc: Buộc ông Đàm Văn L và bà Đỗ Thị H4 phải trả lại quyền sử dụng diện tích đất 124m<sup>2</sup> tại thửa số 12, tờ bản đồ số 01 tại thôn Hàu, xã Lâm Động, huyện TN, thành phố Hải Phòng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/6/2021, nguyên đơn là bà Đàm Thị V; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Văn Đ3 có đơn kháng cáo đề nghị không công nhận Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/7/1995; hủy giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất đã cấp cho ông Đàm Văn L và buộc bị đơn là ông L phải trả lại cho gia đình ông, bà quyền sử dụng diện tích 124m<sup>2</sup> đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền, lợi ích cho nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, nghe kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi ngH1 cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm đã giải thích pháp luật nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều không có yêu cầu giải quyết việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, không đề nghị xem xét giải quyết hậu quả trường hợp nếu có việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu. Nguyên đơn chỉ đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả diện tích đất 124m<sup>2</sup>, thửa số 12, tờ bản đồ số 01 tại thôn Hàu, xã Lâm Động, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết vụ án và xác định quan hệ pháp luật là tranh đất đai là đúng quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, bên cạnh đó có xem xét đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nếu có và xem xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng pháp luật.

[1.2] Về họ và tên của nguyên đơn: Bản tự khai các ngày 12/01/2017, 14/4/2017, 21/4/2017 nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn có tên là Đàm Thị V và có tên gọi khác là Đàm Thị V, các giấy tờ đều tên là Đàm Thị V. Lý do trùng tên với chị gái nguyên đơn, từ nhỏ tới lớn gia đình nguyên đơn đều gọi nguyên đơn là

V. Khoảng thời gian học cấp II hồ sơ học sinh của nguyên đơn bị mất đi dấu (.), lúc bấy giờ gia đình người lớn không quan tâm, bản thân còn dại nên mang tên V cho tới bây giờ không ai biết, chỉ có chồng, con, bạn học, đồng nghiệp mới biết nguyên đơn tên là V. Giấy chứng minh nhân dân số 024060702 do Công an thành phố HCM cấp ngày 26/12/2003, họ và tên Đàm Thị V, sinh ngày 20/7/1963; Bằng tốt nghiệp cấp ba Bỏ tức văn hóa cấp cho Đàm Thị V, sinh ngày 20/7/1963. Do đó, nguyên đơn là Đàm Thị V, còn có họ và tên gọi khác là Đàm Thị V.

[1.3] Kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu ông Đàm Văn L phải trả lại diện tích đất 124m<sup>2</sup>, thửa số 12, tờ bản đồ số 01 tại thôn Hàu, xã Lâm Động, huyện TN, thành phố Hải Phòng; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất nguồn gốc diện tích đất 124m<sup>2</sup>, thửa số 12, tờ bản đồ số 01 tại thôn Hàu, xã Lâm Động, huyện TN, thành phố Hải Phòng là do Ủy ban nhân dân xã Lâm Động cấp cho bà Đàm Thị V năm 1993; bà V phải nộp số tiền là 4.000.000 đồng. Do thời điểm năm 1993, bà V đã kết hôn với ông Đỗ Văn Đ3 nên diện tích đất nêu trên thuộc quyền sử dụng của vợ chồng bà Đàm Thị V, ông Đỗ Văn Đ3. Năm 1994, vợ chồng bà V cùng các con của bà V chuyển vào miền N3 sinh sống. Theo lời khai của nguyên đơn thì khi chuyển vào N3 sinh sống bà có nhờ ông Đàm Văn L trông coi diện tích đất nêu trên. Tuy nhiên, hồ sơ vụ án thể hiện có Giấy nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/7/1995 có chữ ký của ông Đàm Văn L là người nhận chuyển nhượng; bà Đàm Thị V là người chuyển nhượng; người làm chứng ông Đàm Văn Lừng, ông Nguyễn Đình Nhật và có xác nhận của đại diện Ủy ban nhân dân xã Lâm Động; với nội dung: Bà Đàm Thị V chuyển nhượng cho anh trai là ông Đàm Văn L diện tích 137,5m<sup>2</sup> (diện tích đo hiện trạng thực tế là 124m<sup>2</sup>) tại thửa số 12, tờ bản đồ số 01 tại thôn Hàu, xã Lâm Động, huyện TN, thành phố Hải Phòng, có chỉ giới rõ ràng, với giá 8.000.000 đồng. Mặc dù bà V khai chỉ nhờ anh trai là ông L trông coi đất chứ không chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông L, nhưng bà V không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình. Quá trình giải quyết vụ án từ sơ thẩm lần 1, phúc thẩm lần 1, sơ thẩm lần 2 và tại phiên tòa phúc thẩm lần 2 bà V cũng không thừa nhận chữ ký, chữ viết tên của mình tại Giấy nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/7/1995. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm lần 1, do xuất hiện tình tiết mới mà cấp sơ thẩm chưa xem xét nên để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm lần 1 đã quyết định hủy Bản án sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng để giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại. Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải

quyết vụ án lần thứ 2, chính bà Đàm Thị V là người đề nghị được trưng cầu giám định lại chữ ký, chữ viết tên của mình tại Giấy nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/7/1995 và Giấy nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/7/2005. Tại Kết luận giám định số 09/C09-P5 ngày 11/3/2021 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an, xác định: Chữ ký, chữ viết đứng tên Đàm Thị V trên Giấy nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/7/1995 với chữ ký, chữ viết tên của bà Đàm Thị V là cùng một người ký, viết ra. Do đó, lời khai của bà V không thừa nhận chữ ký, chữ viết tên của mình dưới mục người chuyển nhượng tại Giấy nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/7/1995 là không có cơ sở chấp nhận.

Bà V cho rằng không được nhận tiền chuyển nhượng của ông L, còn ông L khai sau khi nhận chuyển nhượng đất của bà V, ông L đã thanh toán cho bà V tổng số tiền 8.000.000 đồng bằng hai lần. Sau khi nhận đủ tiền, bà V giao cho ông L tờ “tích kê” phân đất của UBND xã Lâm Động để làm căn cứ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặc dù, những người làm chứng không chứng kiến trực tiếp việc giao nhận tiền giữa ông L, bà V; nhưng những người làm chứng đều là anh, chị em trong gia đình bà V, không có mâu thuẫn gì với bà V đều xác định có biết việc bà V chuyển nhượng diện tích đất nêu trên cho ông Đàm Văn L để bà V vào miền N3 sinh sống. Hơn nữa, do diện tích đất nêu trên UBND xã Lâm Động cấp cho bà V năm 1993 là trái thẩm quyền nên khi làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông L đã phải nộp số tiền 7.440.000 đồng (tương đương với 100% giá trị quyền sử dụng đất theo quy định tại thời điểm nộp tiền) để hợp pháp hóa diện tích đất nêu trên. Thực tế, sau khi nhận chuyển nhượng đất của bà V, ông L đã nhận đất, cắm mốc, nộp tiền thuế, san lấp dần và tạo dựng công trình trên đất trong thời gian dài. Vợ chồng ông Đỗ Văn Đ3, bà Đàm Thị V sau khi vào N3 sinh sống có thường xuyên về quê, biết việc ông L sử dụng đất, đóng thuế đất nhưng không có ý kiến gì và cũng không thực hiện quyền, nghĩa vụ đăng ký kê khai đối với đất. Điều đó thể hiện ông Đ3, bà V đã thừa nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất 124m<sup>2</sup> tại thửa số 12, tờ bản đồ số 01 tại thôn Hàu, xã Lâm Động, huyện TN, thành phố Hải Phòng cho ông Đàm Văn L theo Giấy nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/7/1995.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy lời khai của ông Đàm Văn L là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ tài liệu khác do Tòa án thu thập và phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án. Mặc dù, Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/7/1995 chỉ có chữ ký của bà V tại mục người chuyển nhượng, không có chữ ký của ông Đ3 là vi phạm. Tuy nhiên, có cơ sở khẳng định việc bà Đàm Thị V chuyển nhượng cho ông Đàm Văn L diện tích 137,5m<sup>2</sup> (diện tích đo hiện trạng thực tế là 124m<sup>2</sup>) tại thửa số 12, tờ bản đồ số 01 tại thôn Hàu, xã Lâm Động, huyện TN, thành phố Hải Phòng, với giá 8.000.000 đồng theo Giấy nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/7/1995 là có thật, phù hợp với ý chí, nguyện vọng của bà V thời điểm đó.

Bà V đã nhận đủ tiền, ông L đã nhận và quản lý, sử dụng đất, thực hiện việc đăng ký đối với thửa đất công khai trong nhiều năm. Ông Đỗ Văn Đ3 biết mà không có ý kiến phản đối gì, nên xác định ông Đ3 đồng ý với việc chuyển nhượng đất của bà V. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu ông Đàm Văn L phải trả lại diện tích đất 124m<sup>2</sup>, thửa số 12, tờ bản đồ số 01 tại thôn Hàu, xã Lâm Động, huyện TN, thành phố Hải Phòng của bà Đàm Thị V.

[2.2] Tại đơn kháng cáo, nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng Giấy nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/7/1995 không đảm bảo Đ3 chính xác, trung thực về nội dung do Công văn số 469/C09-P5 ngày 11/3/2021 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an xác định “có dấu vết tẩy xóa, sửa chữa tại vị trí các chữ số “199” trong số “1995” ...”. Hội đồng xét xử thấy Viện khoa học hình sự - Bộ Công an trong quá trình thực hiện việc giám định có trách nhiệm và quyền hạn thông báo về việc phát hiện đặc điểm của tài liệu thực hiện giám định. Tuy nhiên, phát hiện nêu trên tại Công văn số 469/C09-P5 ngày 11/3/2021 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an không làm thay đổi giá trị pháp lý của Giấy nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/7/1995 và không làm thay đổi nội dung, bản chất của vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2.3] Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng cho ông Đàm Văn L và bà Đỗ Thị H4: Theo Công văn số 123/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 19/10/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện TN thì Ủy ban nhân dân huyện TN đã căn cứ vào Giấy nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/7/2005 để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đàm Văn L và bà Đỗ Thị H4. Tại Kết luận giám định số 09/C09-P5 ngày 11/3/2021 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an, xác định: Chữ ký, chữ viết đứng tên Đàm Thị V trên Giấy nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/7/2005 với chữ ký, chữ viết tên của bà Đàm Thị V không phải do cùng một người ký, viết ra. Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện TN căn cứ vào Giấy nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/7/2005 để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đàm Văn L và bà Đỗ Thị H4 là không đúng thủ tục hành chính. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy về bản chất có việc bà Đàm Thị V, ông Đỗ Văn Đ3 chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất 124m<sup>2</sup>, thửa số 12, tờ bản đồ số 01 tại thôn Hàu, xã Lâm Động, huyện TN, thành phố Hải Phòng cho ông Đàm Văn L. Mặt khác, gia đình ông L đã sử dụng ổn định diện tích đất nêu trên từ năm 1995 đến nay, nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Đàm Văn L, bà Đỗ Thị H4.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không cung cấp thêm tình tiết hoặc tài liệu, chứng cứ mới. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy Tòa án cấp sơ thẩm quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Thị V là có cơ sở. Đề



ngợi tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở, được chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Đàm Thị V phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Do ông Đỗ Văn Đ3 là người cao tuổi thuộc diện được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Hội đồng xét xử quyết định ông Đỗ Văn Đ3 được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là bà Đàm Thị V (Tên gọi khác: Đàm Thị V) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Văn Đ3; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Đỗ Văn Đ3 được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm. Bà Đàm Thị V (Tên gọi khác: Đàm Thị V) phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0018972 ngày 07/7/2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**CÁC THẨM PHÁN**

**CHỦ TỌA**

**Nguyễn Thế Lệ**

**Nguyễn Tất N3**

**Lê Thị Thúy Bình**

***Nơi nhận:***

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thúy Bình**